

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN KBANG
Số: 2119/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kbang, ngày 01 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Kông Lơng Khơng, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 của Quốc Hội; Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ v/v quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/04/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định hồ sơ Nhiệm vụ và hồ sơ Đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, Quy hoạch xây dựng vùng huyện, Quy hoạch đô thị, Quy hoạch xây dựng khu chức năng và Quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng chính phủ Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 710/QĐ-UBND ngày 16/11/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 09/5/2022 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất huyện Kbang, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 527/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kết quả rà soát, điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Gia Lai đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định 1159/QĐ-UBND ngày 25/8/2011 của Ủy ban nhân dân huyện KBang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Kông Long Khong, huyện KBang, tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Kông Long Khong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017-2020;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của UBND huyện về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã Kông Long Khong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

Căn cứ Thông báo số 701/TB/HU ngày 18/10/2023 của Ban thường vụ Huyện ủy về thống nhất chủ trương thông qua Đồ án quy hoạch chung xây dựng 13 xã.

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng tại Báo cáo thẩm định số 01/XD-KT&HT ngày 01/11/2023 về việc thẩm định quy hoạch chung xây dựng xã Kông Long Khong, huyện Kbang đến năm 2032,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Kông Long Khong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032 với các nội dung sau:

1. Tên quy hoạch: Quy hoạch chung xây dựng xã Kông Long Khong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến năm 2032.

*** Phạm vi lập quy hoạch:** Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch trên phạm vi toàn xã.

*** Ranh giới:**

- + Phía Bắc giáp : Xã Đông, huyện Kbang, tỉnh Gia lai.
- + Phía Nam giáp : Thị trấn ĐăkPơ, huyện Đăkpơ, tỉnh Gia Lai.
- + Phía Đông giáp : Xã Kông Bơ La, huyện Kbang, tỉnh Gia lai.
- + Phía Tây giáp : Xã Tơ Tung, huyện Kbang, tỉnh Gia lai.

2. Mục tiêu quy hoạch, tính chất, chức năng của xã:

*** Mục tiêu quy hoạch:**

- Hình thành xã đạt chuẩn nông thôn mới, theo Bộ tiêu chí Quốc gia về nông thôn mới. Nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn.
- Giữ gìn phát huy bản sắc văn hoá địa phương và bảo vệ môi trường.
- Làm cơ sở pháp lý để triển khai lập các quy hoạch chi tiết, cho việc tổ chức quản lý và đầu tư xây dựng theo quy hoạch trên địa bàn xã.

*** Tính chất:**

- Là xã có tính chất quan trọng về an ninh quốc phòng.
- Là xã sản xuất nông - lâm nghiệp, trọng điểm là trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây công nghiệp lâu năm và cây nguyên ăn quả.

3. Dự báo sơ bộ về quy mô dân số, lao động; các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật:

3.1. Dự báo quy mô dân số:

- Dân số hiện trạng toàn xã 2022 là: 4.611 người.
- Quy mô dân số định hướng đến năm 2032: 5.174 người.

3.2. Dự báo lao động:

- Dự báo lao động đến năm 2032: 4.139 người.

3.3. Quy mô đất đai:

- Tổng diện tích tự nhiên của xã Kông Long Khong năm 2022: 3.832,92 ha.
- Quy mô đất đai trên phạm vi toàn xã đến năm 2032: 3.832,92 ha.

3.4. Các chỉ tiêu về kinh tế - kỹ thuật:

Các chỉ tiêu về kiến trúc, quy hoạch tuân thủ theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật QCVN 07/2016/BXD.

4. Phân khu chức năng:

4.1. Điểm dân cư trung tâm xã :

- Là trung tâm hành chính, công cộng, y tế, văn hoá, giáo dục của xã.
- Là điểm dân cư dịch vụ thương mại là chủ yếu. Bên cạnh còn gắn các điểm dân cư người bản địa sống ổn định từ lâu đời...
- Phát triển không gian tập trung.
- Quản lý xây dựng theo khung quy định, xây dựng hình ảnh khu trung tâm tiếp cận với không gian đô thị.
- Gồm các hộ thương mại dịch vụ có diện tích 200m² - 400m² (là các hộ ở vị trí thuận lợi gần các trục giao thông chính, trung tâm xã) cần xác định mật độ xây dựng phù hợp với từng lô đất.
- Mật độ xây dựng: < 70%;

4.2. Điểm dân cư tại thôn, làng:

- Các điểm dân cư tại các thôn, làng chủ yếu sản xuất nông nghiệp bố cục chủ yếu theo dạng tuyến dọc theo các trục đường, đường sản xuất, chủ yếu là các khu dân cư tập trung.
- Xây dựng hình ảnh nông thôn mới văn minh, hiện đại. Môi trường trong sạch.
- Diện tích lô đất ở dự kiến: 400m²/hộ.
- Mật độ xây dựng trong lô đất ở: < 60%.

4.3. Khu vực sản xuất nông lâm nghiệp

- Phát triển nông nghiệp theo hướng đa dạng hoá sản phẩm, tăng sản phẩm hàng hoá trao đổi và xuất khẩu, phù hợp với lợi thế sản xuất và nhu cầu thị trường, Đảm bảo nhu cầu chính yếu cho đời sống (an toàn lương thực - thực phẩm) và làm nguyên liệu cho tiểu thủ công nghiệp của địa phương phát triển.

- Đưa các giống cây trồng mới có giá trị kinh tế cao đầu tư khoa học - kỹ thuật, thâm canh tăng năng suất, chất lượng và giá thành hạ; tạo sức cạnh tranh cao trên thị trường

- Khai thác có hiệu quả công trình thủy lợi để mở rộng diện tích lúa nước, tận dụng nguồn tài nguyên đất đai, điều kiện khí hậu thời tiết để phát triển đa ngành.

- Quy hoạch vùng sản xuất hợp lý trên cơ sở quỹ đất hiện có phù hợp với loại cây trồng.

- Xây dựng và kiên cố hóa hệ thống kênh mương, đập giữ nước đảm bảo lượng nước tưới cho cây trồng vào mùa khô.

4.4. Chăn nuôi - thủy sản:

* Chăn nuôi:

- Khuyến khích nhân dân phát triển chăn nuôi theo hướng bán công nghiệp (mô hình chăn nuôi trang trại). Chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi trang trại, gia trại, nông hộ nhưng theo hình thức công nghiệp và công nghệ cao.

* Thủy sản:

- Cải tạo toàn bộ diện tích mặt nước và tận dụng các vùng đất thấp ven sông, suối xây dựng ao nuôi thủy sản với các loài có giá trị kinh tế cao

4.5. Quy hoạch sản xuất TTCN, ngành nghề, thương mại dịch vụ:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích nghề truyền thống của xã phát triển, đặc biệt là các nghề phục vụ cho tiêu dùng hàng ngày và sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ của địa phương nhằm đáp ứng nhu cầu đời sống tại chỗ của nhân dân và làm hàng hóa.

- Phát triển du lịch cộng đồng tại làng Mơ Hra gắn với công tác xây dựng Nông thôn mới nhằm khai thác lợi thế, tiềm năng tài nguyên du lịch để tạo ra sản phẩm du lịch mới, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của người dân góp phần thu hút du khách đến tham quan, trải nghiệm và tìm hiểu đời sống, sinh hoạt và phong tục tập quán của dân tộc Bahnar, tham gia các hoạt động văn hóa, công chiêng, lễ hội của người đồng bào, đốt lửa trại, uống rượu cần, thưởng thức các món ẩm thực truyền thống và các ngành nghề truyền thống không thể thiếu như đan lát, dệt vải, làm nhà truyền thống, làm rượu ghè, làm dụng cụ săn bắn và nông cụ.

- Kết hợp sản phẩm OCOP vào du lịch cộng đồng nhằm phát huy tiềm năng của cả hai ngành, đẩy mạnh xúc tiến thương mại, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm nông sản của tỉnh một cách bền vững, góp phần vào sự phát triển kinh tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

- Phát triển khu dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp (các khu mua bán, kho bãi tập kết nông, lâm sản...) của xã.

5. Định hướng tổ chức không gian xã:

5.1. Các nội dung quy hoạch khu trung tâm xã và công trình chức năng của xã:

- Kế thừa và cập nhật các nội dung của QHCT khu trung tâm xã, điều chỉnh các khu vực phù hợp với nhu cầu phát triển của xã và định hướng chung của huyện.

- Quy hoạch tuyến đường mới cạnh nhà rồng văn hóa và đất trạm y tế quy hoạch mới với chiều dài khoảng 0,18 km.

- Quy hoạch công trình công cộng phía sau trạm y tế diện tích: 0,72 ha.

- Quy hoạch quỹ đất xây dựng trụ sở công an xã diện tích khoảng 0,10 ha.

- Quy hoạch đất ban chỉ huy quân sự xã nằm trong khuôn viên Trụ sở Ủy ban nhân dân xã với diện tích khoảng 0,64 ha.

- Quy hoạch quỹ đất xây dựng trạm y tế diện tích khoảng 0,30 ha.

- Sát nhập trường THPT Anh Hùng Núp với trường THCS Kông Long Khong.
- Quy hoạch đất hoa viên cây xanh cạnh sân thể dục thể thao của xã với diện tích khoảng 0,72 ha.
- Quy hoạch bãi đậu xe của xã (nằm tại làng MoHra – Đáp) với diện tích khoảng 2,05 ha.
- Quy hoạch bãi rác xã phía Đông Bắc khu nghĩa địa xã quy hoạch mới với diện tích khoảng 1ha.
- Quy hoạch nghĩa trang tập trung của xã tại phía Đông Bắc làng Kdâu với diện tích khoảng 1,30 ha.
- Chuyển đổi khoảng 17,14 ha đất nông nghiệp hàng năm phía Đông Nam sang đất nông nghiệp khác.
- Chuyển đổi khoảng 14 ha đất nông nghiệp hàng năm phía đông bắc sang đất nông nghiệp khác.

5.2. Đối với các thôn làng:

*** Làng Bờ Ngải**

- Quy hoạch thêm các tuyến đường nội đồng dự kiến phía Đông làng ra khu sản xuất khoảng 380m.
- Nâng cấp, mở rộng tuyến đường nội đồng phía Tây dài khoảng 1,5 Km và định hướng quy hoạch khu dân cư dọc hai bên đường.
- Quy hoạch mới trục đường thôn, làng dự kiến phía sau nhà sinh hoạt cộng đồng của làng song song với đường liên xã dài khoảng 170 m và định hướng quy hoạch khu dân cư dọc hai bên đường.
- Quy hoạch khu dân cư nằm trên đường liên xã đoạn từ giáp ranh xã Đông đến ngã ba đường liên xã đi xã Kông Bờ La và khu dân cư dọc trục đường liên xã đi xã Kông Bờ La.
- Quy hoạch khu dân cư phía Đông của làng, nằm trên trục đường đi ra khu sản xuất đầu nối với đường liên xã đi xã Kông Bờ La.
- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường liên xã phía Nam của làng, gần khu trường học của làng.
- Mở rộng nghĩa trang gần trường học (đất phía sau nghĩa địa cũ) tại khu vực đất sản xuất với diện tích khoảng 0,27 ha.
- Quy hoạch chuyển đổi khoảng 14,68 ha đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác.

*** Làng Bờ - Chư Pâu:**

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng dự kiến phía Tây của tuyến đường liên xã dài khoảng 890m và đầu nối với tuyến đường nội đồng hiện có ra khu dân cư hiện trạng nằm trên đường liên xã.
- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng dự kiến phía sau nhà rông ra khu nghĩa địa mở rộng dài khoảng 135m và nối liền với tuyến đường quy hoạch mới của khu dân cư dài 60m.
- Nâng cấp tuyến đường nội đồng phía Tây của làng (đầu nối với đường liên xã) dài 410m và quy hoạch khu dân cư dọc 2 bên tuyến đường.

- Quy hoạch mới tuyến đường thôn, làng từ đường liên xã đi vào khu nghĩa trang hiện trạng phía Đông (phía làng Bờ Ngải đi về trung tâm xã) với chiều dài khoảng 160m.

- Quy hoạch mới tuyến đường nội thôn, làng từ đất ông Luân ra khu nghĩa địa làng với chiều dài khoảng 161m.

- Quy hoạch khu dân cư sau nhà rông và khu dân cư hiện có (phía cuối làng, giáp suối và làng Bờ Ngải).

- Quy hoạch khu dân cư phía Tây sau khu dân cư hiện có nằm trên tuyến đường liên xã và dọc 2 bên tuyến đường ra khu sản xuất.

- Quy hoạch khu dân cư phía Đông, sau trường học và khu dân cư hiện có và dọc tuyến đường ra khu sản xuất.

- Quy hoạch khu dân cư dọc 2 bên tuyến đường liên xã (phía Nam của làng, hướng đi khu trung tâm xã).

- Quy hoạch sân thể dục thể thao của làng nằm trên tuyến đường thôn, làng về phía Tây với diện tích khoảng 0,53 ha.

- Mở rộng nghĩa địa của làng (đất phía sau nghĩa địa cũ) tại khu vực đất sản xuất với diện tích khoảng 1 ha.

*** Làng Dong:**

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường liên thôn (từ làng Kgiang đi làng Dong).

- Quy hoạch khu dân cư phía Đông của làng, dọc tuyến đường ra khu sản xuất (phía sau khu dân cư hiện có).

- Quy hoạch khu dân cư phía Nam của làng nằm trên tuyến đường liên thôn.

- Quy hoạch khu dân cư phía Tây của làng (tuyến đường liên thôn từ làng Dong đi làng Mohra – Đáp).

*** Làng Kdâu**

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng dự kiến ra khu sản xuất phía Tây (nối từ làng Kdâu đi làng Mơ Tôn) dài khoảng 269m.

- Quy hoạch mở rộng nhà sinh hoạt cộng đồng làng về phía sau với diện tích khoảng 0,08 ha.

- Quy hoạch nghĩa địa về phía Bắc của làng với diện tích khoảng 1,38 ha

*** Làng Kgiang**

- Quy hoạch mới tuyến 2 dự kiến (phía Nam của làng, sau khu dân cư hiện có) dài khoảng 0,86 Km và quy hoạch khu dân cư hai bên đường với diện tích khoảng 6,66 ha.

- Quy hoạch khu dân cư nằm dọc hai bên tuyến đường nội làng ra khu sản xuất từ ngã 3 nhà ông Blích đến đất ông Đông Phương 200m.

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến các trục đường liên xã.

- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường ra khu sản xuất (đoạn đường từ ngã 3 nhà ông Đình Gét khoảng 200m).

- Quy hoạch đất nhà sinh hoạt cộng đồng phía Bắc của làng (đường ra khu nghĩa địa của làng) với diện tích khoảng 0,32 ha.

*** Làng Mơ Tôn**

- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng dự kiến ra khu sản xuất phía Bắc của làng (nối tiếp đường khu dân cư hiện có ra khu sản xuất và đi làng Kdâu) dài khoảng 302 m.
- Quy hoạch mới tuyến đường nội đồng nối từ ngã ba đường nội làng và đường nội đồng hiện có đi khu sản xuất phía Bắc với chiều dài khoảng 0,09 km.
- Quy hoạch khu dân cư phía Nam của làng, dọc đường ra khu sản xuất.

*** Làng Mohra - Đáp**

- Quy hoạch đường tuyến 2 cạnh sân bóng làng với chiều dài khoảng 270 m.
- Quy hoạch đường tuyến 2 từ cổng chào làng (đất ông Lang) đến ngã ba sân bóng với chiều dài khoảng 0,62km và định hướng phát triển dân cư phía Tây (sau khu dân cư hiện trạng).
- Quy hoạch khu dân cư dọc hai bên tuyến đường liên xã.
- Quy hoạch khu dân cư dọc 2 bên đường liên thôn đi làng Dong.

*** Làng Mohven - Ôr**

- Quy hoạch đất sân thể dục thể thao phía sau Ủy ban Xã, giáp với trường học diện tích khoảng 0,22 ha.
- Quy hoạch khu dân cư dọc 2 bên tuyến đường liên huyện đi huyện Đắk Pơ.
- Quy hoạch khu dân cư dọc 2 bên tuyến đường liên xã (đoạn đi làng Kgiang đi xã Kông Bơ la).

*** Thôn Hbang**

- Quy hoạch khu dân cư từ ngã tư nhà ông thanh đến ngã ba đường liên huyện (sát đất rừng tới khu dân cư hiện trạng).

6. Quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

- Định hướng khu du lịch cộng đồng làng Mohra. Khuyến khích các hộ gia đình giữ gìn và phát triển các ngành nghề truyền thống của địa phương nhằm thu hút du lịch, hỗ trợ cho phát triển kinh tế.
- Chuyển đổi một số diện tích đất trồng cây hàng năm sang đất nông nghiệp khác nhằm kêu gọi thu hút đầu tư các khu chức năng hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn cho xã.

7. Quy hoạch sử dụng đất:

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT TOÀN XÃ

TT	Mục đích sử dụng đất	Định hướng đến năm 2027		Định hướng đến năm 2032	
		Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
1	Đất nông nghiệp	3.640,60	94,98%	3.612,56	94,25%
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	3.522,21	91,89%	3.470,51	90,54%
1.2	Đất lâm nghiệp	80,77	2,11%	96,65	2,52%
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	22,94	0,60%	22,94	0,60%
1.4	Đất nông nghiệp khác	14,68	0,38%	22,46	0,59%

2	Đất xây dựng	165,52	4,32%	193,56	5,05%
2.1	Đất ở	83,38	2,18%	105,18	2,74%
2.2	Đất công cộng	13,02	0,34%	13,02	0,34%
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	2,81	0,07%	4,82	0,13%
2.4	Đất danh lam thắng cảnh, di tích	-	-	-	-
2.5	Đất xây dựng các chức năng khác	1,69	0,04%	1,69	0,04%
2.6	Đất hạ tầng kỹ thuật	60,71	1,58%	63,92	1,67%
-	Đất giao thông	52,54	-	54,75	-
-	Đất xử lý chất thải rắn	1,00	-	1,00	-
-	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	7,17	-	8,17	-
-	Đất công trình hạ tầng kỹ thuật khác	-	-	-	-
2.7	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	3,17	0,083%	4,19	0,109%
2.8	Đất quốc phòng, an ninh	0,74	0,019%	0,74	0,019%
3	Đất khác	26,80	0,70%	26,80	0,70%
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	26,80	0,70%	26,80	0,70%
-	Tổng cộng	3.832,92	100%	3.832,92	100%

8. Quy hoạch mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, công trình đầu mối:

8.1. Quy hoạch san nền thoát nước mưa:

8.1.1. San nền:

- Tôn trọng hiện trạng, đảm bảo khu vực không bị ngập úng sạt lở đất.
- Hạn chế đào đắp lớn.
- Thoát nước mặt thuận lợi.
- Kinh phí đầu tư cho công tác san nền thoát nước hiệu quả nhất.

8.1.2. Thoát nước mưa:

- Chế độ thoát tự chảy dựa vào độ dốc địa hình tự nhiên.
- Chỉ nên xây dựng cống hoặc mương thoát nước cho khu vực trung tâm xã, các khu vực dân cư có ít nhất 20 hộ gia đình sống tập trung.
- Chọn chủng loại rãnh thoát nước dạng hở xây dựng ven các trục đường giao thông ngoài khu dân cư, thiết diện hình thang, kết cấu xây gạch đá.
- Các tuyến cống chính dùng chủng loại cống hộp BTCT hoặc xây đá có nắp đan BTCT.
- Các tuyến cống trong làng xây đá chẻ có nắp đan BTCT.
- Các cống qua đường sử dụng cống tròn hoặc cống bản (BTCT).
- Hệ thống thoát nước được xây dựng đồng bộ bao gồm: tuyến cống, giếng thu nước mưa, giếng kiểm tra, hố ga và cửa xả.
- Lưu vực tiêu thoát nước chính là các suối khe lớn trong khu vực.

8.2. Quy hoạch giao thông:

Bảng tổng hợp mặt cắt giao thông điển hình

TT	Tên loại đường	Tên mặt cắt giao	Lòng đường (m)	Vĩa hè (m)	Chỉ giới giao	Ghi chú
----	----------------	------------------	----------------	------------	---------------	---------

		thông			thông (m)	
1	Đường Huyện, đường Liên xã	1-1	5,5	7,25x2	20	Lòng đường đoạn qua trung tâm xã 8,0m
2	Đường xã; đường liên thôn, làng	2-2	5,5	3,75x2	13	
3	Đường nội thôn, làng	3-3	5,5	3x2	11,5	
4	Đường đi khu sản xuất	4-4	3,5	1,75x2	7	

8.3. Quy hoạch thủy lợi:

- Duy tu và bảo dưỡng các công trình thủy lợi hiện có nhằm đảm bảo năng lực tưới theo thiết kế.

- Vận động nhân dân thường xuyên duy tu bảo dưỡng các công trình thủy lợi trên địa bàn xã, nạo vét kênh mương, khơi thông dòng chảy để đảm bảo phục vụ nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp.

8.4. Quy hoạch cấp điện:

8.4.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp điện:

- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2027 là 883 KVA.

- Tổng công suất cấp điện dự báo đến năm 2032 là 945 KVA.

8.4.2. Quy hoạch hệ thống cấp điện:

* Nguồn cấp điện:

- Nguồn cấp điện cho xã hiện nay từ xuất tuyến 475KBA nhánh rẽ Tơ Tung đi Kông Long Khong, do điện lực Kbang quản lý và vận hành. Trong giai đoạn đến năm 2027, dự kiến cải tạo toàn bộ lưới điện hiện có trên địa bàn xã thành lưới điện 22KV.

* Trạm biến áp:

- Hiện trạng xã có 14 TBA cấp điện sinh hoạt và sản xuất (trong đó có 4 TBA do các doanh nghiệp, cá nhân tự đầu tư).

- Quy hoạch mới các TBA 22/0,4KV công suất từ 50-150kVA thay thế các trạm biến áp 1P, 2P hiện có, đảm bảo phục vụ nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của người dân tại các làng hiện có và đảm bảo cung cấp điện phục vụ cho các khu dân cư mới trên địa bàn xã cũng như phục vụ đến các khu sản xuất tập trung.

* Đường dây điện 22KV:

- Nâng cấp, cải tạo lưới điện hiện có của xã thành lưới điện 22KV với tổng chiều dài đường dây 18,12km.

- Trạm biến áp và đường dây cấp điện 22KV sẽ được đầu tư theo từng khu vực phát triển mới và theo từng giai đoạn phù hợp với nguồn lực của xã và nhu cầu dân cư cụ thể.

- Công suất trạm biến áp, loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện dự án riêng.

* Đường dây điện 0,4KV:

- Chính trang lại các tuyến đường dây 0,4KV, thay thế các tuyến đường dây không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn cấp điện. Quy hoạch mới các tuyến cấp điện đến các khu dân cư giãn dân, khu sản xuất. Dự kiến đầu tư mới khoảng 12,07 km. Loại dây và kích thước dây dẫn sẽ được tính toán và thể hiện chi tiết trong giai đoạn thiết kế, triển khai thực hiện các dự án.

*** Chiếu sáng giao thông:**

- Phát triển chiếu sáng khu vực nông thôn kết hợp cải tạo với xây dựng mới, đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung toàn xã.

- Sử dụng các nguồn năng lượng mới, tái tạo trong hoạt động chiếu sáng nhằm tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng điện - năng lượng và bảo vệ môi trường.

- Sử dụng các sản phẩm chiếu sáng hiệu suất cao, tiết kiệm điện.

- Sử dụng năng lượng mặt trời trong chiếu sáng công cộng, các trục đường chính ngoài khu dân cư...

8.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước:

8.5.1. Chỉ tiêu và nhu cầu cấp nước

- Tổng lượng nước thải đến năm 2027 là $378 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

- Tổng lượng nước thải đến năm 2032 là $537 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$

8.5.2. Nguồn nước và giải pháp quy hoạch

*** Nguồn nước:**

- Nguồn nước mặt hiện có và nước ngầm.

*** Giải pháp quy hoạch:**

- Đối với các hộ dân phân bố không tập trung: Cấp nước theo hình thức phân tán, sử dụng các giếng khoan đường kính nhỏ có công trình lọc nước gia đình đúng kỹ thuật.

- Đối với các cụm dân cư tập trung: Cấp nước theo hình thức tập trung với các công trình xử lý nước hoàn chỉnh.

*** Công trình đầu mối:**

- Giai đoạn đến năm 2027:

+ Tiếp tục tận dụng nguồn nước từ các giếng khoan giếng đào cho người dân tại các khu dân cư hiện trạng.

+ Xây dựng trạm cấp nước sạch tập trung công suất dự kiến khoảng $100 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$, cấp nước cho từng khu vực dân cư tập trung.

+ Đối với các khu vực cách xa khu trung tâm xã và các khu giãn dân, khu dân cư mới hình thành, trước mắt vẫn sử dụng tạm thời nước giếng đào và giếng khoan cho sinh hoạt.

- Giai đoạn đến năm 2032:

+ Nâng cấp công suất trạm cấp nước nhằm đảm bảo đáp ứng nhu cầu dùng nước của toàn xã khoảng $537 \text{ m}^3/\text{ng.đ.}$ Hệ thống cấp nước sinh hoạt được đầu tư đến các công trình công cộng và từng điểm dân cư, đảm bảo các điểm dân cư trên địa bàn xã đều có công trình cấp nước sạch tập trung, từ đó từng nhóm hộ gia đình cùng tính toán đưa nước về đến từng hộ để sử dụng.

8.6. Quy hoạch thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

8.6.1. Tổng lưu lượng nước thải:

- Tổng lượng nước thải đến năm 2027 là 207 m³/ng.đ.
- Tổng lượng nước thải đến năm 2032 là 397 m³/ng.đ.

8.6.2. Các chỉ tiêu và dự báo khối lượng chất thải rắn:

- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2027 là 2,35 tấn/ng.đ.
- Khối lượng chất thải rắn đến năm 2032 là 4,05 tấn/ng.đ.

8.6.3. Giải pháp quy hoạch thoát nước thải và bảo vệ môi trường:

*** Thoát nước bản:**

- Sử dụng hệ thống thoát nước chung. Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý cục bộ được dẫn chung trong mương thoát nước mưa đặt trong các ngõ, xóm rồi đổ ra kênh tiêu nước nông nghiệp.

- Đối với nước thải sinh hoạt ở các hộ gia đình và công trình công cộng sẽ được xử lý cục bộ bằng các bể tự hoại đúng tiêu chuẩn trước khi cho xả vào hệ thống thoát nước chung. Khuyến khích các hộ gia đình xây bể tự hoại đúng tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Đối với các hộ gia đình chăn nuôi gia súc tập trung sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas.

*** Chất thải rắn:**

- Giai đoạn trước mắt:

+ Bố trí 1 điểm chôn lấp CTR hợp vệ sinh cho toàn xã tại khu vực phía bắc khu trung tâm xã, cách trung tâm xã khoảng 2,0 Km. Diện tích dự kiến khoảng 0,49 ha.

- Đến năm 2027:

+ Giai đoạn trước mắt:

+ Bố trí 1 điểm chôn lấp CTR hợp vệ sinh cho toàn xã tại khu vực phía Bắc khu trung tâm xã, cách trung tâm xã khoảng 2,0 Km. Diện tích dự kiến khoảng 1,0 ha.

- Đến năm 2032:

+ Các điểm tập kết CTR sinh hoạt tại các làng được bố trí trong bán kính không quá 100m, xây dựng các bể chứa CTR cho các thôn làng và các điểm dân cư trong xã và bố trí 1 xe thu gom và vận chuyển chất thải rắn từ các điểm tập kết đến điểm tập trung tạm thời.

- Vận động các hộ dân phân loại CTR tại gia đình để tái sử dụng một phần CTR hữu cơ dùng cho chăn nuôi gia súc, gia cầm và phân bón cây trồng.

8.7. Quy hoạch nghĩa trang:

- Toàn xã có 12 nghĩa trang nằm ở các làng, các nghĩa trang hiện đang tiếp tục an táng. Hình thức chôn cất theo phong tục tập quán địa phương. Định hướng quy hoạch tiếp tục sử dụng nghĩa trang hiện có, đồng thời cần khoanh định các nghĩa trang và bố trí các khu vực với khoảng cách ly cây xanh hợp lý đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Định hướng nghĩa trang các thôn, làng có diện tích 1-2 ha.

- Quy hoạch nghĩa trang xã về phía Bắc khu trung tâm xã, quy mô khoảng 1,5ha

- Đối với các thôn, làng có nghĩa trang gần với khu dân cư (dưới 500m) thì khoanh vùng lại và tìm vị trí quy hoạch mới đảm bảo tiêu chuẩn cũng như đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Dự kiến đến giai đoạn dài hạn: Trồng cây xanh bao quanh nghĩa trang tại các thôn làng, xây dựng đường đi, mộ chí xây có hàng lối, tạo cảnh quan môi trường sạch

đẹp tôn nghiêm.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư và nguồn vốn:

9.1. Các dự án ưu tiên đầu tư: Làm mới, nâng cấp các tuyến đường liên thôn làng và các tuyến trục thôn, các tuyến đường ra khu sản xuất. Đầu tư các công trình công cộng thiết yếu cấp xã và các thôn làng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật...

9.2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách, kêu gọi nhân dân đóng góp, vốn xã hội hóa và huy động các nguồn vốn khác.

10. Quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch: (có quy định cụ thể kèm theo)

11. Tiến độ, giải pháp tổ chức thực hiện:

11.1. Tiến độ:

- Giai đoạn đầu 2023-2027
- Giai đoạn sau 2028-2032

11.2. Giải pháp tổ chức thực hiện: Thực hiện theo phân kỳ các giai đoạn trung hạn 5 năm và có kế hoạch chi tiết thực hiện hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Giao cho Ủy ban nhân dân xã Kông Long Khong phối hợp với các cơ quan liên quan công bố và tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký thay thế cho Quyết định số 1649/QĐ-UBND ngày 15/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Kbang về việc phê duyệt Điều chỉnh đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Kông Long Khong, huyện KBang, tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017-2020.

Điều 4. Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND Huyện; Trưởng phòng Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Kông Long Khong và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Xây dựng;
- TT Huyện ủy;
- TT HĐND huyện;
- TT UBND huyện;
- Cổng thông tin điện tử huyện;
- Lưu: VT, VP, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Dũng